

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC SƯ PHẠM SỬ - GD CD

Mã số: 71 40 218

(Ban hành kèm theo Quyết định số 315/QĐ-ĐHHV ngày 07/4/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Học phần	Số TC
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	35
I.1	Bắt buộc	33
-	Lý luận chính trị	11
-	Ngoại ngữ đại cương	10
-	Tin học đại cương	2
-	Pháp luật đại cương	2
-	Kỹ năng mềm	2
-	Kiến thức Toán, KHTN, KHXH	6
-	Giáo dục thể chất	(90 giờ)
-	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165 giờ)
I.2	Tự chọn (theo lĩnh vực hoặc nhóm ngành)	2
II	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	23
II.1	Bắt buộc	21
II.2	Tự chọn	2
III	KIẾN THỨC NGÀNH	47
III.1	Kiến thức ngành chính	32
III.1.1	Bắt buộc	28
III.1.2	Tự chọn	4
III.2	Kiến thức ngành phụ	15
III.2.1	Bắt buộc	13
III.2.2	Tự chọn	2
IV	KIẾN THỨC ĐÀO TẠO NĂNG LỰC SƯ PHẠM	22
IV.1	Bắt buộc	20
IV.2	Tự chọn	2
V	THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	10
-	Thực tập sư phạm 1	2
-	Thực tập sư phạm 2	3
-	Đề án tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế đề án tốt nghiệp	5
TỔNG:		137

2. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	35				
I.1		Bắt buộc	33				
1	DPT319	Triết học Mác – Lênin	3	30	30	90	
2	DPT220	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	20	20	60	DPT319

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
3	DPT215	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	20	60	DPT220
4	DPT207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20	60	DPT215
5	DPT221	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	20	60	DPT207
		Ngoại ngữ đại cương (Chọn 1 ngoại ngữ)					
6 7 8 9	LCE315	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
	LCE216	Tiếng Anh 2	2	20	20	60	
	LCE317	Tiếng Anh 3	3	30	30	90	
	LCE218	Tiếng Anh 4	2	20	20	60	
	LCC350	Tiếng Trung 1	3	30	30	90	
	LCC251	Tiếng Trung 2	2	20	20	60	
	LCC252	Tiếng Trung 3	2	20	20	60	
	LCC353	Tiếng Trung 4	3	30	30	90	
6	JAP401	Tiếng Nhật 1	4	45	30	125	
7	JAP402	Tiếng Nhật 2	4	45	30	125	
8	JAP203	Tiếng Nhật 3	2	20	20	60	
10	PHE101	Giáo dục thể chất 1	(1)				
11	PHE102	Giáo dục thể chất 2	(1)				
12	PHE103	Giáo dục thể chất 3	(1)				
13	NDE801	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165T)				
14	CPS201	Tin học đại cương	2	10	40	50	
15	PSY234	Kỹ năng mềm	2	15	30	55	
16	DPT213	Pháp luật đại cương	2	20	20	60	
17	HIS202	Lịch sử văn minh thế giới	2	20	20	60	
18	PHI248	Tiếng Việt thực hành	2	15	30	55	
19	GEO248	Địa lý Việt Nam đại cương	2	20	20	60	
I.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
20	TAC202	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2*	20	20	60	
	HIS205	Tôn giáo học đại cương	2*	20	20	60	
	PHI210	Văn học Việt Nam đại cương	2*	20	20	60	
	PHI204	Cơ sở ngôn ngữ văn tự Hán Nôm	2*	20	20	60	
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	23				
II.1		Bắt buộc	21				
21	HIS208	Phương pháp NCKH chuyên ngành Lịch sử	2	20	20	60	
22	HIS201	Dân tộc học đại cương	2	20	20	60	
23	HIS328	Lý luận dạy học lịch sử	3	30	30	90	
24	HIS244	Lý luận sử học	2	20	20	60	
25	HIS245	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương	2	20	20	60	
26	HIS215	Lịch sử quan hệ quốc tế	2	20	20	60	
27	HIS154	Thực tế lịch sử	1		30	20	
28	HIS219	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	20	20	60	
29	HIS343	Lịch sử và văn hóa Đông Nam Á	3	30	30	90	
30	HIS246	Khảo cổ học đại cương	2	20	20	60	

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
II.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
31	HIS253	Lịch sử và văn hóa Trung Quốc cổ trung đại	2*	20	20	60	
	GEO201	Môi trường và phát triển bền vững	2*	20	20	60	
	GEO230	Bản đồ giáo khoa	2*	20	20	60	
	TAC205	Lịch sử văn hóa địa phương	2*	20	20	60	
	TAM201	Tổ chức sự kiện	2*	20	20	60	
III		KIẾN THỨC NGÀNH	47				
III.1		Kiến thức ngành chính	32				
III.1.1		Bắt buộc	28				
32	HIS309	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	3	30	30	90	
33	HIS310	Lịch sử Việt Nam cận đại	3	30	30	90	
34	HIS311	Lịch sử Việt Nam hiện đại	3	30	30	90	
35	HIS355	Lịch sử thế giới Nguyên thủy, Cổ, Trung đại	3	30	30	90	
36	HIS247	Lịch sử thế giới cận đại	2	20	20	60	
37	HIS248	Lịch sử thế giới hiện đại	2	20	20	60	
38	HIS216	Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam	2	20	20	60	
39	HIS250	Các cuộc cách mạng tư sản và lịch sử hình thành, phát triển của chủ nghĩa tư bản	2	20	20	60	
40	HIS251	Lịch sử đô thị	2	20	20	60	
41	HIS252	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	2	20	20	60	
42	HIS256	Lịch sử chủ quyền biển đảo Việt Nam	2	20	20	60	
43	HIS249	Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam	2	20	20	60	
III.1.2		Tự chọn (Chọn 2 học phần)	4				
44 45	HIS235	Các con đường cứu nước trong đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á thế kỉ XX	2*	20	20	60	
	HIS257	Lịch sử Nhật Bản từ 1868 đến nay	2*	20	20	60	
	HIS258	Lịch sử nước Mỹ	2*	20	20	60	
	HIS218	Lịch sử kinh tế	2*	20	20	60	
	HIS232	Tiếng Anh chuyên ngành Lịch sử	2*	15	30	55	
III.2		Kiến thức ngành phụ	15				
III.2.1		Bắt Buộc	13				
46	DPT203	Chính trị học đại cương	2	20	20	60	
47	DPT206	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2	20	20	60	
48	DPT210	Thế chế chính trị Việt Nam hiện đại	2	20	20	60	

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
49	DPT209	Những vấn đề thời đại ngày nay	2	20	20	60	
50	DPT322	Đạo đức học	3	30	30	90	
51	DPT214	Giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông	2	20	20	60	
III.2.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
52	DPT216	Hành chính nhà nước	2*	20	20	60	
	DPT217	Xã hội học đại cương	2*	20	20	60	
IV		KIẾN THỨC ĐÀO TẠO NĂNG LỰC SỰ PHẠM	22				
IV.1		Bắt buộc	20				
53	PSY314	Tâm lý học giáo dục	3	30	30	90	
54	PSY335	Giáo dục học	3	30	30	90	
55	HIS259	Hệ thống phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông	2	20	20	60	
56	PSY217	Giao tiếp sư phạm	2	15	30	55	
57	PSY205	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	20	20	60	
58	PSY236	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cơ bản	2	10	40	50	
59	HIS260	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ngành Sử - GD CD	2	5	50	45	
60	DPT223	Phương pháp giảng dạy giáo dục công dân	2	20	20	60	
61	HIS261	Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử ở trường phổ thông	2	15	30	55	
IV.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
62	GEO203	Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học khoa học xã hội	2*	15	30	55	
	HIS262	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông	2*	15	30	55	
	HIS231	Dạy học tích hợp trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông	2*	15	30	55	
V		THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	10				
63	HIS236	Thực tập sư phạm 1	2		60	40	
64	HIS337	Thực tập sư phạm 2	3		90	60	
65	HIS563	Đề án tốt nghiệp	5		150	100	
		Học phần chuyên môn thay thế Đề án tốt nghiệp	5				
66	HIS333	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	3	30	30	90	
67	HIS234	Những cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại	2	20	20	60	
Tổng:			137				